TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/DS-ST Ngày: 20/01/2020 Về vụ:*"Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản"*.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Điều;
2. Bà Trần Thị Thu Ba.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Lệ Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 20/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2019/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông H – sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - *Có mặt.*

- *Bị đơn: 1.* Ông P– sinh năm 1981;

2. Bà A – sinh năm: 1983;

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – *Cùng có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông H trình bày:*

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm khoảng năm 2015, giữa ông H và vợ chồng ông P, bà A có Hợp đồng mua bán tài sản bằng lời nói, với nội dung thỏa thuận: Ông P, bà A mua nợ thức ăn gia súc, gia cầm của ông H để chăn nuôi, khi xuất gia súc, gia cầm thì trả nợ. Tại phiên tòa, ông H khai hai bên thỏa thuận ông P, bà A mua nợ theo hình thức gối đầu: Khi mua tài sản lần sau, sẽ trả nợ lần trước. Ông H là người viết sổ theo dõi việc mua bán, ông P là người trực tiếp thực hiện việc mua bán với ông H và ký xác nhận số lượng tiền, hàng vào sổ theo dõi. Trong quá trình làm ăn chung với nhau, vợ chồng ông P đã mua và trả nợ nhiều lần cho ông H. Khoảng năm 2015, sau khi mua nợ nhiều lần, ông P không trả nợ như cam kết nên ông H ngừng cung cấp thức ăn và tiến hành thu hồi nợ. Vợ chồng ông P trả dần nhiều lần và tính đến ngày: 18/3/2019 (AL), vợ

chồng ông P còn nợ số tiền: 357.654.000đ *(Ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng)*. Ông P ký nhận số nợ này; sau đó, đã trả: 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)*; số tiền còn lại: 351.654.000đ đến nay không trả. Nay, yêu cầu vợ chồng ông P, bà A phải trả lại số tiền: 351.654.000đ *(Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồn*g), không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, ông H không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn vợ chồng ông P, bà A trình bày:*

Từ năm 2013 đến cuối năm 2014, vợ chồng bà A, ông P mua nợ thức ăn gia súc, gia cầm của ông H. Việc mua bán được thỏa thuận bằng lời nói, theo đó hai bên đã thỏa thuận ông H cung cấp thức ăn cho ông P, bà A chăn nuôi và chỉ khi nào chăn nuôi thành công, xuất bán gia súc, gia cầm có tiền thì mới trả nợ. Trong quá trình làm ăn, vợ chồng ông P đã mua nợ và trả nợ nhiều lần, đến nay còn nợ số tiền: 351.654.000đ *(Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồn*g) đúng như ông H trình bày. Vào cuối 2014, ông H tự ý ngừng cung cấp thức ăn làm cho vợ chồng ông P bị thua lỗ. Do đó, yêu cầu được trả dần cho ông H, mỗi tháng trả số tiền: 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, ông P, bà A không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật áp dụng: Các đương sự khai hai bên hợp đồng mua bán tài sản trong thời gian từ năm 2013 đến khoảng năm 2015. Như vậy, sự kiện pháp lý xảy ra vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực. Tuy nhiên, nhận thấy việc mua bán giữa các bên phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời điểm các bên ngừng giao dịch, chốt sổ nợ là ngày: 18/3/2019 (AL), tức là ngày 22/4/2019. Ngày 09/10/2019, ông H có đơn khởi kiện bà A, ông P yêu cầu trả nợ mua thức ăn gia súc, gia cầm. Ngoài ra, vào ngày: 21/11/2019 (AL), tức ngày 16/12/2019, vợ chồng ông P thực hiện việc trả nợ lần sau cùng. Căn cứ Điều 688, 429 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của ông H còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Các bên đương sự thống nhất giữa ông H và vợ chồng ông P, bà A có Hợp đồng bằng lời nói về việc mua bán thức ăn cho gia súc, gia cầm; theo đó, vợ chồng bà A, ông P đã thường xuyên mua nợ thức ăn gia súc, gia cầm của ông H để chăn nuôi. Việc mua bán này được ông H ghi sổ theo dõi, ông P ký xác nhận nợ. Đến ngày: 18/3/2019 (AL), vợ chồng ông P còn nợ ông H số tiền: 357.654.000đ. Sau đó, đã trả được: 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)*.

Như vậy, đủ cơ sở khẳng định vợ chồng ông P, bà A còn nợ ông H số tiền: 351.654.000đ *(Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồn*g) đến nay chưa trả.

[4] Đối với yêu cầu xin trả dần của vợ chồng ông P, bà A: Vợ chồng ông P xin trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000đ cho đến khi hết số nợ nói trên, ông H không chấp nhận.

Xét: Điều 434, 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định bên mua có nghĩa vụ trả tiền theo thời hạn thỏa thuận, quy định trong Hợp đồng, nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua.

Xét thấy: Tại phiên tòa, ông P, bà A cho rằng khi mua bán, hai bên đã thỏa thuận thời gian trả nợ là khi nào vợ chồng ông P chăn nuôi thành công, xuất bán gia súc, gia cầm có tiền thì mới trả nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông H khai hai bên thỏa thuận mua bán nợ gối đầu, khi mua tài sản lần sau phải trả nợ mua lần trước. Vì vậy, không có cơ sở cho rằng các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là vợ chồng ông P chăn nuôi thành công, có tiền thì mới trả nợ như vợ chồng ông P khai.

Như vậy, căn cứ vào Điều 434, 440 Bộ luật dân sự nói trên, khi ông H yêu cầu trả tiền mua tài sản thì vợ chồng ông P phải trả đủ cho ông H nên không chấp nhận yêu cầu trả dần của ông P, bà A.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông H: Buộc ông P, bà A phải có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền: 351.654.000đ *(Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồn*g).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Tổng án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là: 351.654.000đ x 5% = 17.582.700đ. Bị đơn vợ chồng ông P, bà A có đơn xin miễn, giảm tiền án phí vì có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn ½ án phí cho vợ chồng ông P, bà A. Do đó, vợ chồng ông P, bà A còn phải chịu: 8.791.350đ, quy tròn số: 8.791.000đ *(Tám triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).*

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 13, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H: Buộc bị đơn vợ chồng ông P và bà A phải trả cho ông H số tiền: 351.654.000đ *(Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồn*g).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông P và bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 8.791.000đ *(Tám triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).*

Hoàn lại cho ông H số tiền 8.941.000đ *(Tám triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0014233 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cụcThi hành án dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Thanh Huệ